



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Phát hành sách Thành phố Hồ Chí Minh - FAHASA

Ngày 30/09/2025	36,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-2.7%	22.8%	4.2%

DT thuần Q3/25
1,527
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 315 26.0%
YoY: ▲ 41.0 2.8%

LN thuần Q3/25
22.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 13.2 141%
YoY: ▲ 2.70 13.6%

LN sau thuế Q3/25
17.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 10.3 134%
YoY: ▲ 1.50 9.2%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
1.5%
YoY: +/- ▲ 0.7%

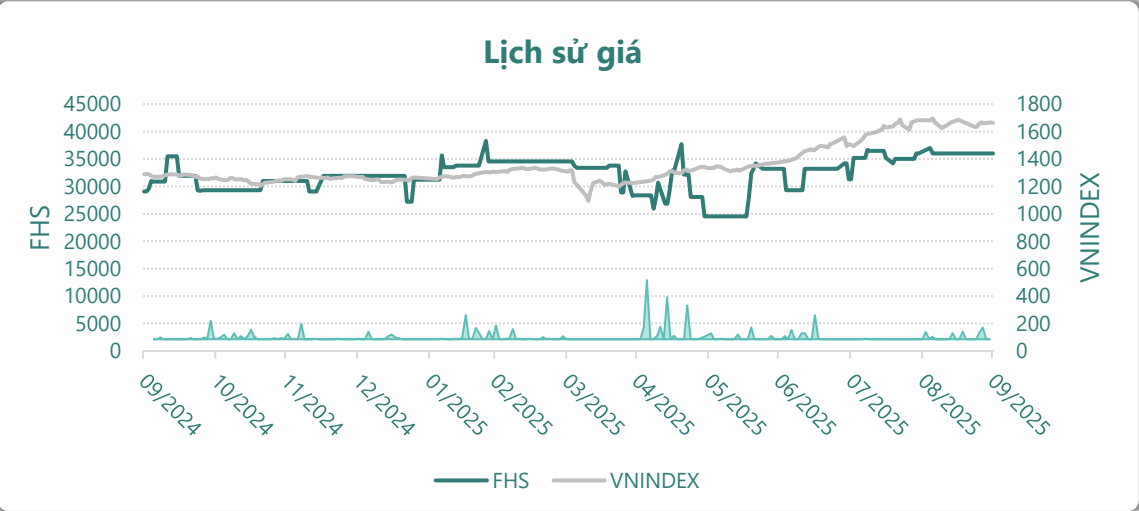
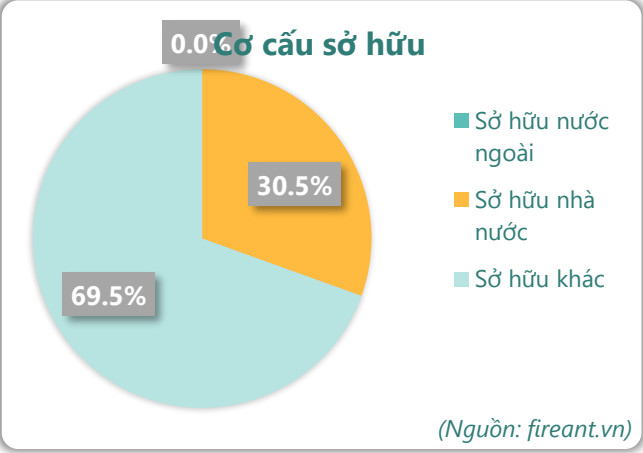
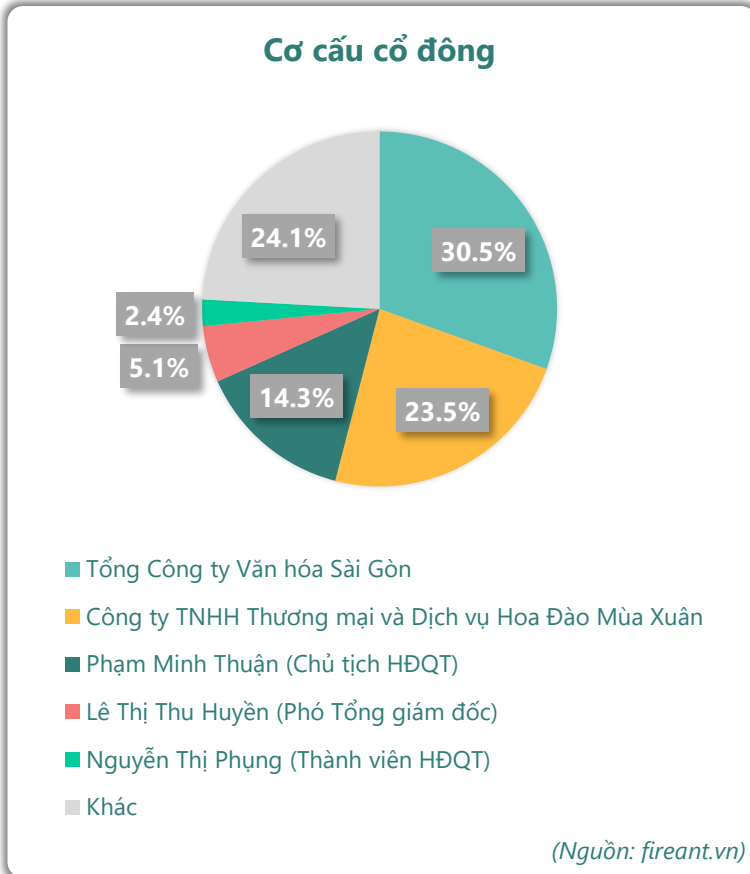
ROE (TTM) Q3/25
28.3%
YoY: +/- ▼ 0.2%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	24,531 - 38,291
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	459
Số lượng CPLH (CP)	12,751,462
KLGD BQ 20 phiên (CP)	210
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.06
EPS	4,697
P/E	7.7

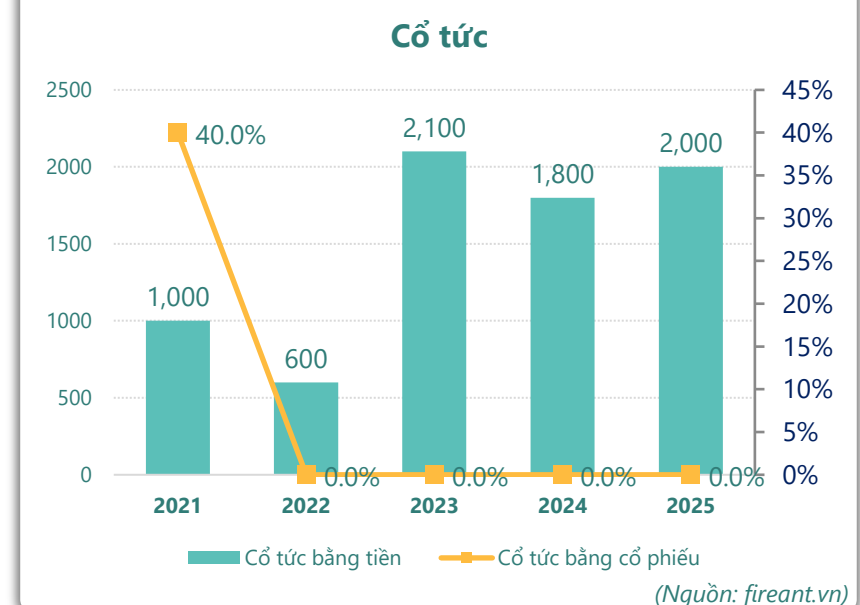
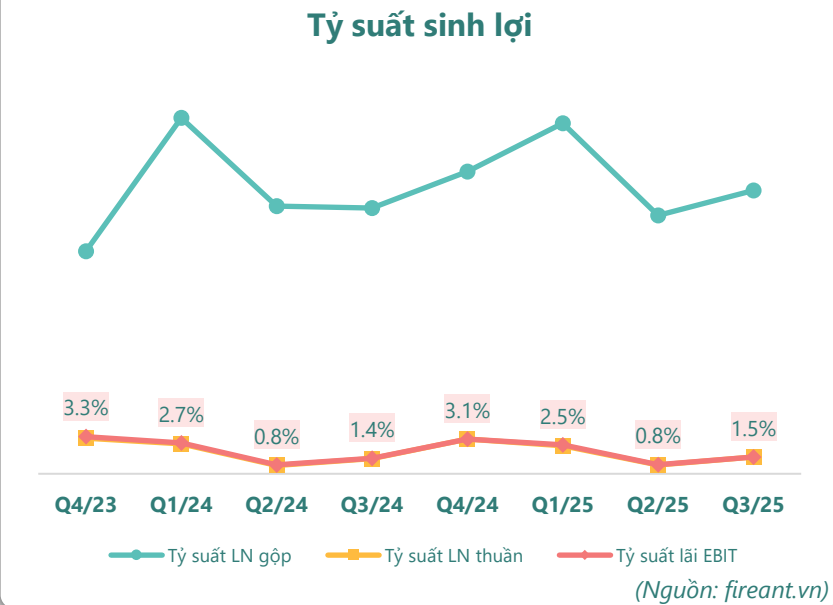
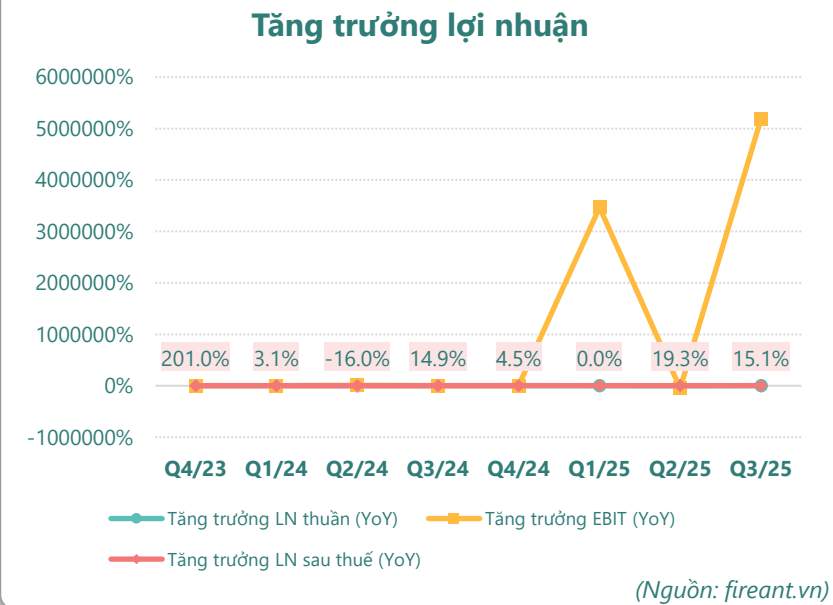
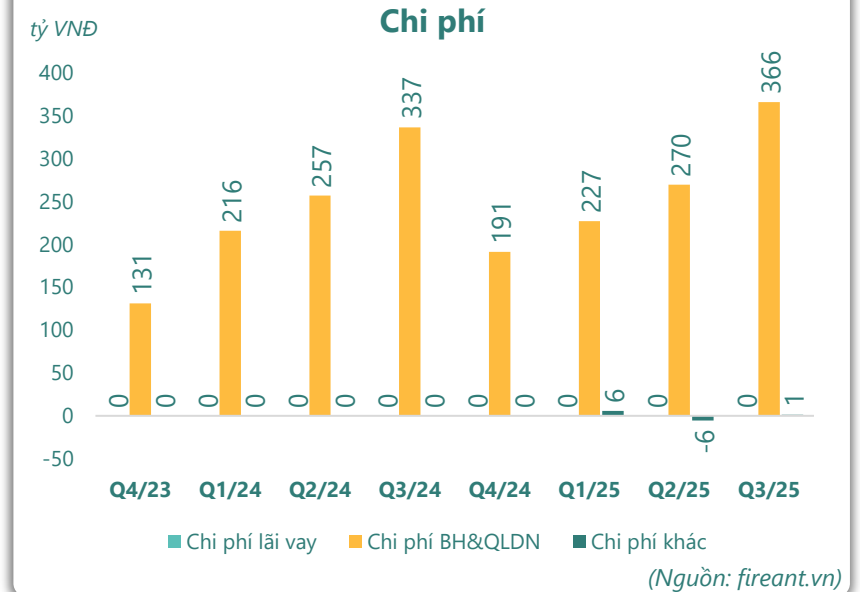
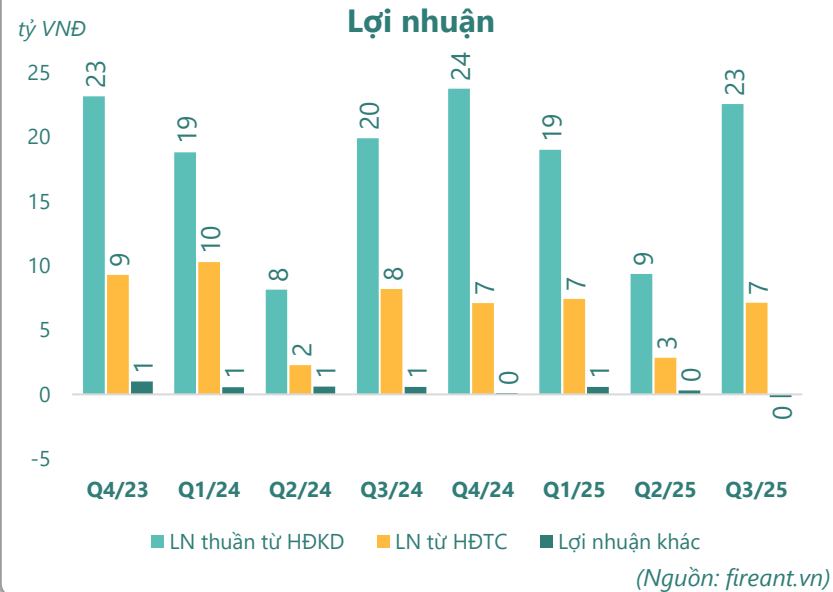
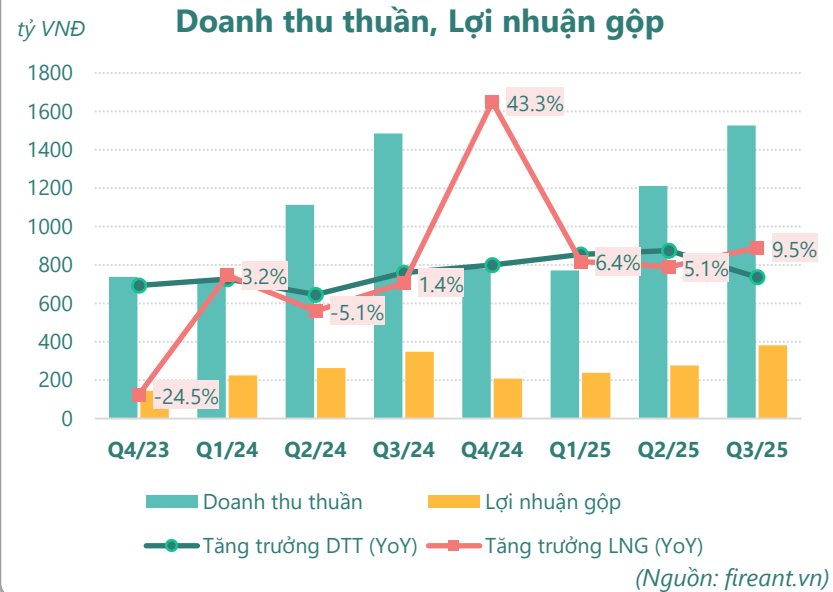
DT thuần 9T 2025
3,511
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 197 5.9%

LN thuần 9T 2025
51.0
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 4.10 8.8%

LN sau thuế 9T 2025
41.4
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.50 6.3%



KẾT QUẢ KINH DOANH



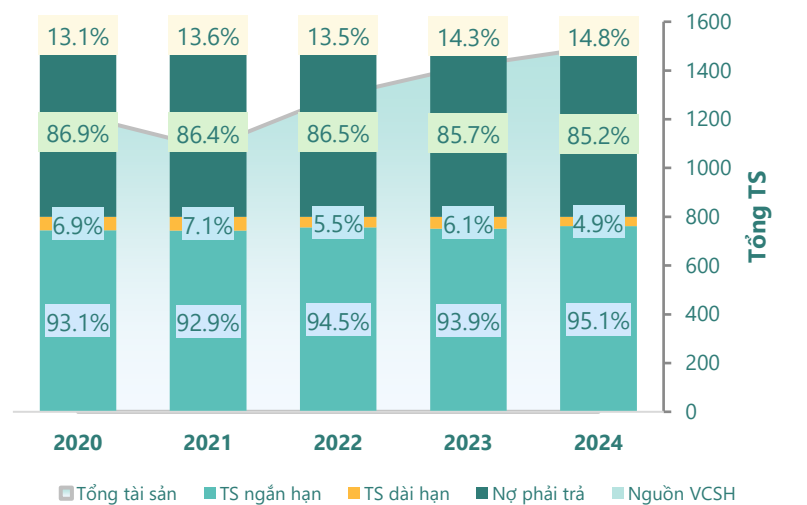


TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

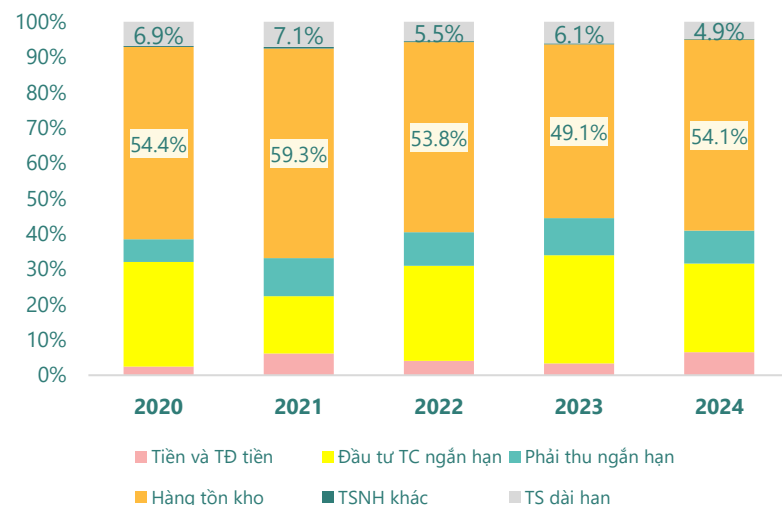
tỷ VNĐ

Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

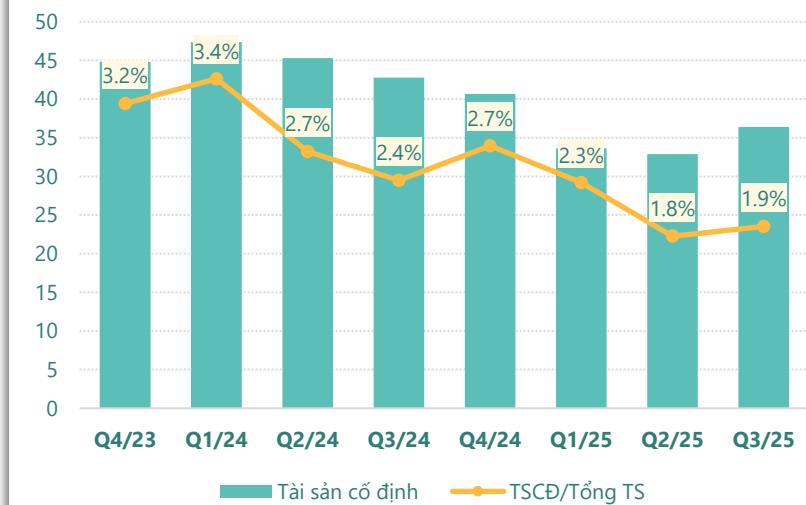
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

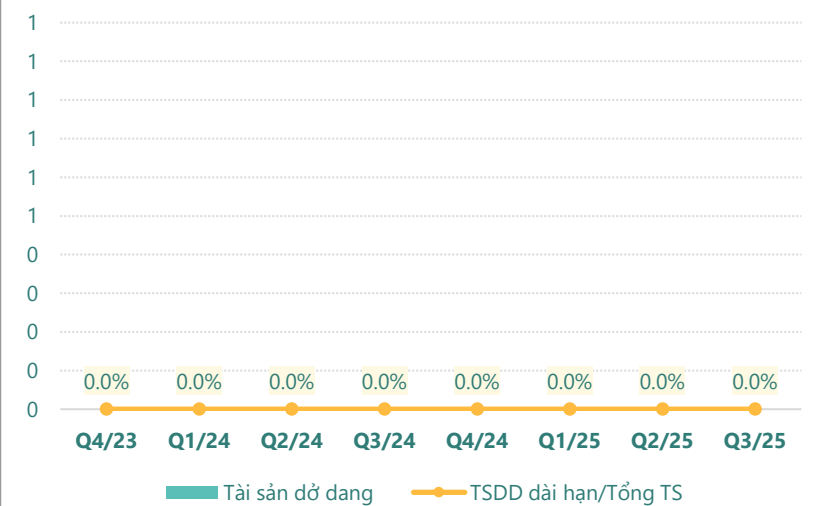
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

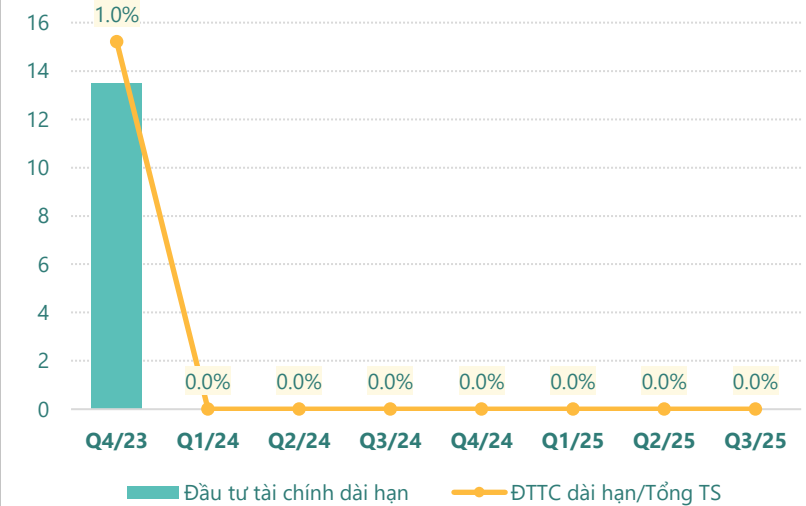
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

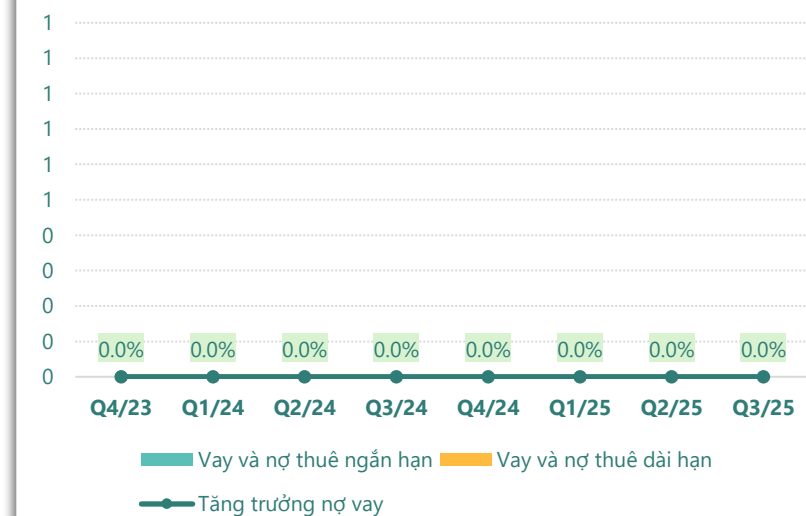
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

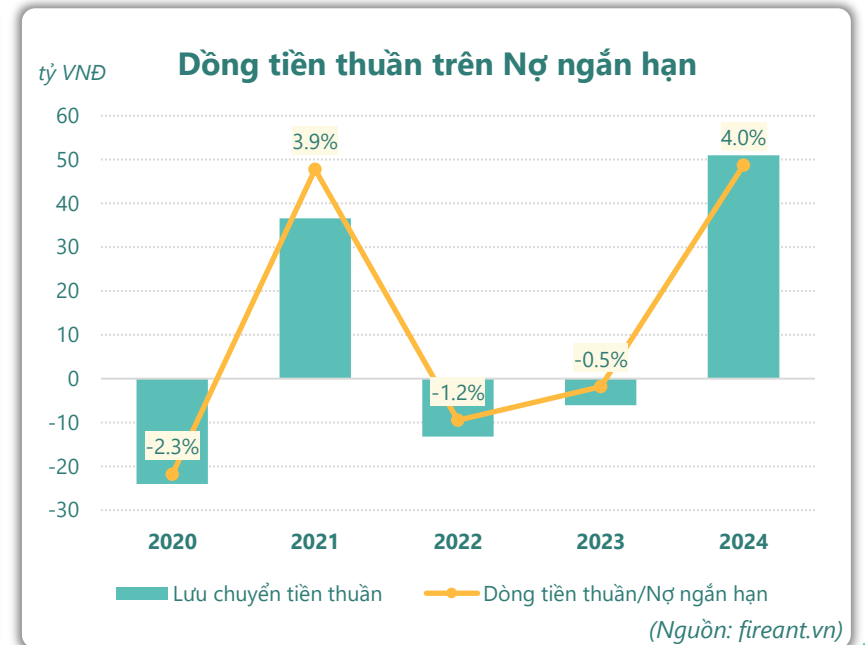
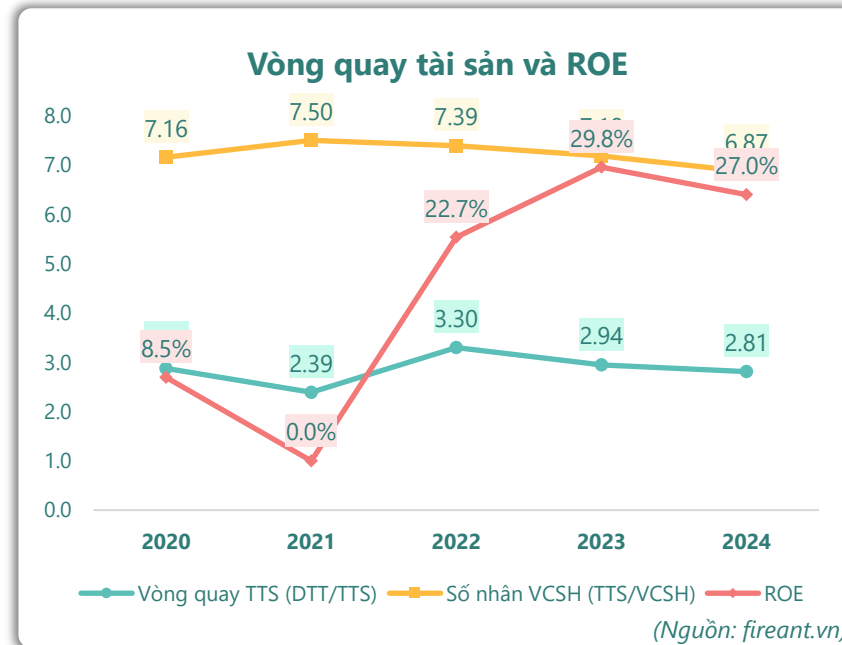
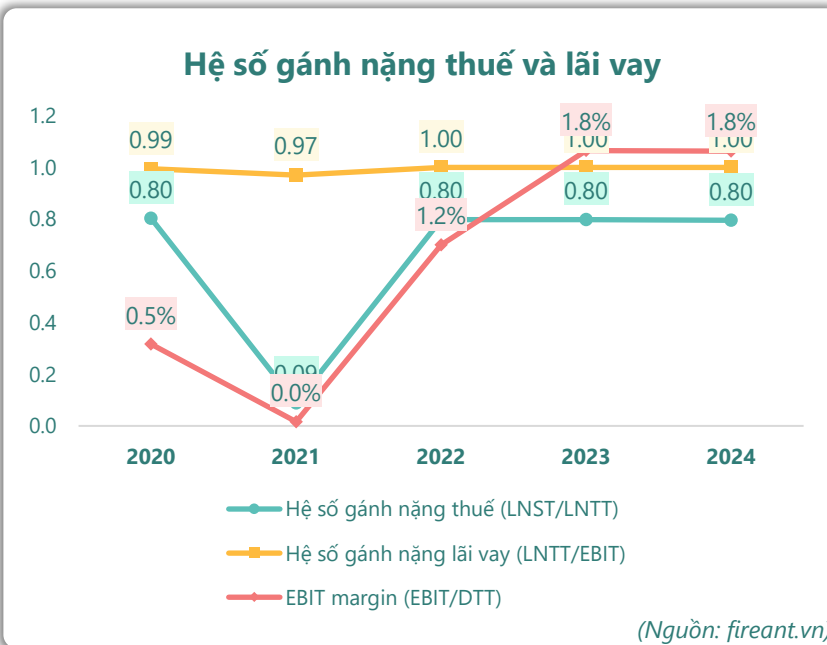
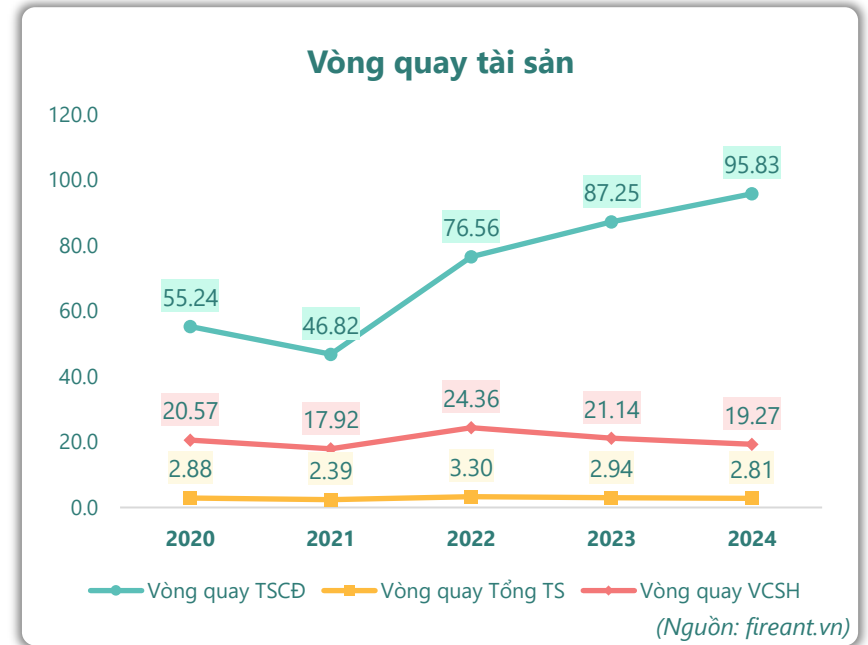
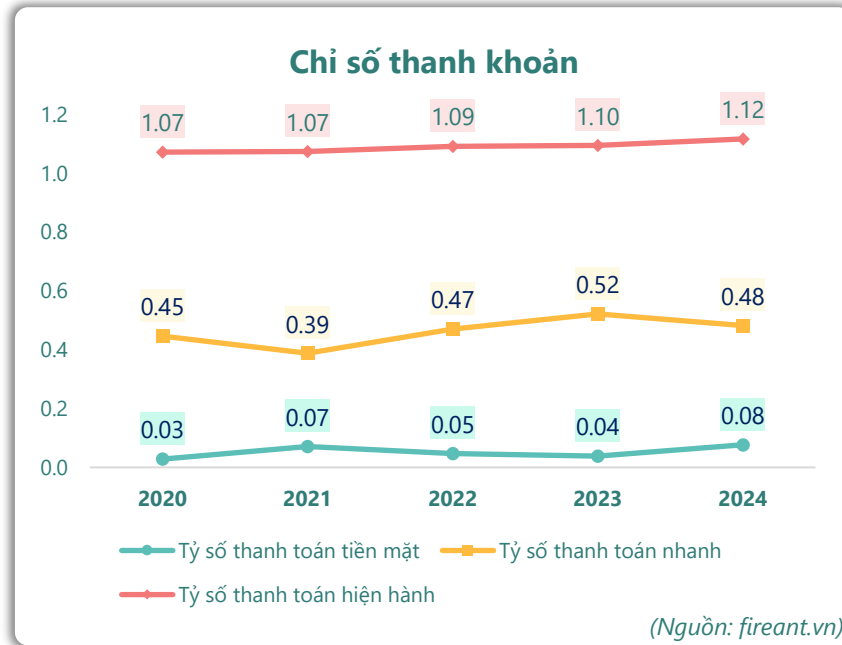
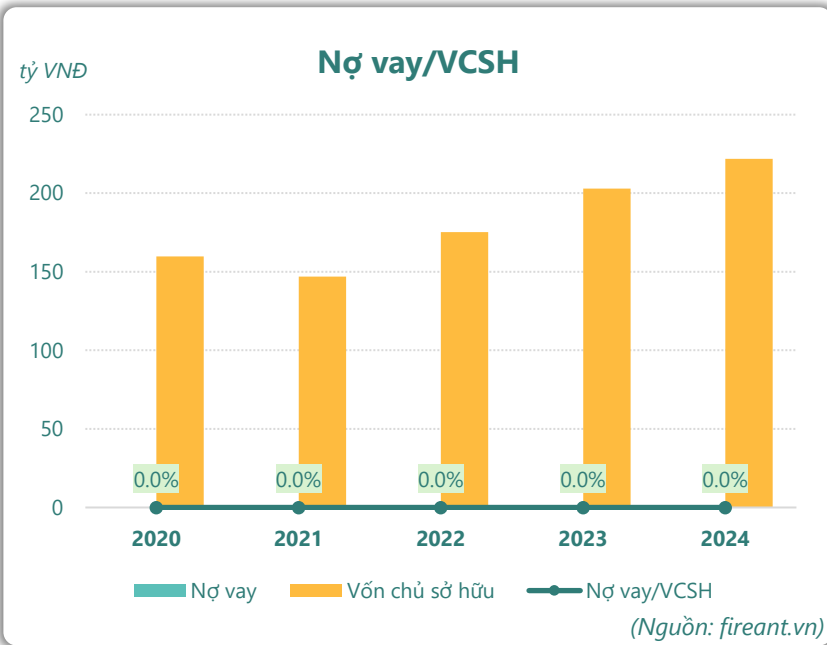
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	1,527	1,486	2.8%	3,511	3,314	5.9%
Giá vốn hàng bán	1,145	1,138	0.6%	2,614	2,478	5.5%
Lợi nhuận gộp	382	348	9.6%	897	836	7.3%
Doanh thu HĐTC	7.19	8.20	-12.3%	17.6	20.9	-15.9%
Chi phí TC	0.07	0.01	614%	0.21	0.18	22.3%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	322	299	7.6%	763	719	6.1%
Chi phí QLDN	44.5	37.6	18.3%	100	90.2	11.0%
LN thuần từ HĐKD	22.6	19.9	13.6%	51.0	46.9	8.8%
Lợi nhuận khác	-0.22	0.58	-138%	0.68	1.74	-60.7%
LN trước thuế	22.4	20.5	9.2%	51.7	48.6	6.3%
Lợi nhuận sau thuế	17.9	16.4	9.2%	41.4	38.9	6.3%
LNST của CĐ cty mẹ	17.6	15.9	10.4%	40.9	38.3	6.8%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	60.6	111	-122	-53.7	105	111
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-21.7	-49.0	108	0.38	-19.4	-107
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-15.3	-7.65	0	0	-15.3	-10.2
Tiền đầu kỳ	34.0	57.6	112	98.0	44.7	115
Lưu chuyển tiền thuần	23.6	54.0	-13.7	-53.3	70.6	-6.58
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	57.6	112	98.0	44.7	115	109

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,936	1,497	29.3%
Tài sản ngắn hạn	1,863	1,424	30.8%
Tiền và tương đương tiền	109	98.0	11.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	527	375	40.5%
Phải thu ngắn hạn	326	139	135%
Hàng tồn kho	899	809	11.1%
Tài sản ngắn hạn khác	1.60	3.05	-47.5%
Tài sản dài hạn	73.3	72.9	0.6%
Phải thu dài hạn	36.0	30.8	16.8%
Tài sản cố định	36.4	40.7	-10.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.95	1.43	-33.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,716	1,275	34.6%
Nợ ngắn hạn	1,716	1,275	34.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	1,495	1,125	32.9%
Nợ dài hạn	0.55	0.57	-4.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	220	222	-0.9%
Vốn chủ sở hữu	220	222	-0.9%
Vốn điều lệ	128	128	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

